

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
CÔNG TY CP BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC



ISO 9001:2015

TÀI LIỆU PHỤC VỤ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2023

Địa điểm: Khu du lịch Tân Cảng

- Địa chỉ: *Số 100 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM.*
- Điện thoại: 028 37313272 – 37313073 – 37313086 Fax: 028 37313271
- Email: info@betongthuduc.com Website: www.betongthuduc.com

TP.HỒ CHÍ MINH, Ngày 16/05/2023

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Thứ sáu, ngày 16/05/2023



THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
08 giờ 30 đến 09 giờ 00	- Đón đại biểu, cổ đông & đăng ký cổ đông	Ban Tổ chức
09 giờ đến 09 giờ 30	- Khai mạc Đại hội, tuyên bố lý do - Giới thiệu đại biểu và cổ đông tham dự - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông - Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Thư ký đại hội (biểu quyết) - Giới thiệu Ban kiểm phiếu (biểu quyết) - Thông qua chương trình Đại hội - Thông qua quy chế làm việc của Đại hội	Dẫn chương trình Ban k/tra tư cách Cổ Đ Dẫn chương trình " Chủ tịch đoàn "
09 giờ 30 đến 10 giờ 10	- Báo cáo về tình hình SXKD và đầu tư năm 2022; kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2023; - Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán - Báo cáo của Ban Kiểm Soát	Chủ tịch đoàn phân công Đại diện Phòng Kế toán Trưởng Ban kiểm soát
10 giờ 10 đến 10 giờ 40	- Đại hội thảo luận, góp ý	Đại hội
10 giờ 40 đến 11 giờ 00	Biểu quyết các nội dung của tờ trình: - Báo cáo kết quả SXKD và đầu tư năm 2022; Báo cáo của Ban Kiểm soát - Báo cáo tài chính chính năm 2022 đã được kiểm toán - Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2022. - Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023 - Mức thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2023 - Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023	Chủ tịch Đoàn
11 giờ 00 đến 11 giờ 10	nội dung thông qua tại Đại hội	Ban kiểm phiếu
11 giờ 10 đến 11 giờ 30	- Thông qua Biên bản, Dự thảo Nghị quyết Đại hội - Tuyên bố bế mạc Đại hội	Thư ký Đại hội Chủ tịch Đoàn

BAN TỔ CHỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CP BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty CP Bê tông Ly Tâm Thủ Đức;

Đại hội đồng cổ đông năm 2023 của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức được tiến hành theo những quy định sau:

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi áp dụng

Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (sau đây được gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần Bê Tông Ly Tâm Thủ Đức.

Điều 2: Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3: Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II
ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 4: Điều kiện tham dự Đại hội

Các cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

CHƯƠNG III
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền

1. Cổ đông hoặc người được ủy quyền được quyền tham dự Đại hội, được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc phạm vi chương trình Đại hội và theo quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ Công ty.

2. Tại Đại hội, mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền khi tới tham dự cuộc họp Đại hội phải mang theo Chứng minh nhân dân (hoặc giấy tờ tùy thân khác có khả năng chứng minh), Giấy mời, Giấy ủy quyền (nếu có), nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (ghi mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết hoặc số phiếu bầu).

3. Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc được ủy quyền theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội. Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, giá trị biểu quyết của Phiếu bầu cử được tính bằng tổng số phiếu bầu cử, tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết nhân với số thành viên được bầu.

4. Cổ đông, người được ủy quyền đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

5. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này, tích cực tham gia đóng góp vào các nội dung của Đại hội, khi muốn phát biểu, thảo luận tại Đại hội, cổ đông phải đăng ký và tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm 01 Trưởng ban và một số ủy viên do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bê Tông Ly Tâm Thủ Đức lựa chọn, có chức năng kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp: Kiểm tra Chứng minh nhân dân (hoặc giấy tờ tùy thân khác có khả năng chứng minh), Giấy mời, Giấy uỷ quyền (nếu có), đồng thời có nghĩa vụ phát Phiếu biểu quyết cho cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền của các cổ đông và Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu gồm 01 Trưởng ban và một số ủy viên do Ban chủ tọa đề cử và được thông qua trước Đại hội.

2. Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

3. Ban kiểm phiếu hướng dẫn cách sử dụng Phiếu biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu; lập biên bản kiểm phiếu và Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu. Giao lại biên bản cho Ban tổ chức đại hội.

Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch và Ban thư ký

1. Đoàn Chủ tọa gồm 01 Chủ tịch là Chủ tịch HĐQT và một số ủy viên do Đại hội biểu quyết thông qua, có chức năng điều khiển Đại hội.

2. Quyết định của Đoàn chủ tịch về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

3. Đoàn chủ tịch tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Đoàn chủ tịch cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ, khi đã được thông qua) và tại một địa điểm khác do Chủ tịch quyết định nếu nhận thấy rằng:

a. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp; hoặc

b. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

5. Ban thư ký gồm 01 Trưởng ban và một số ủy viên, có chức năng lập Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Ban Chủ tọa.

CHƯƠNG VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14: Quy chế này gồm 6 chương, 14 điều, được Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Bê Tông Ly tâm Thủ Đức thông qua ngày 16 tháng 05 năm 2023 và có hiệu lực để tiến hành đại hội kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 biểu quyết thông qua.

TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
TRƯỞNG BAN



DỰ THẢO

TP Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023**

Kính thưa: Quý vị Đại biểu
Quý vị cổ đông Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức

Thay mặt đoàn chủ tịch Đại hội, tôi xin báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư trong năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023 của công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức (TDC).

**PHẦN I:
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022**

I. CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH

1./ Đặc điểm tình hình:

- Kinh tế - xã hội nước ta năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao, lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ.
- Mặc dù tăng trưởng kinh tế năm 2022 đạt 8,02% nhưng mức độ tăng trưởng của khu vực công nghiệp và xây dựng thấp hơn mức tăng trưởng bình quân (năm 2022 tăng 7,78%) trong khi các năm 2019, 2020 và 2021 mức độ tăng trưởng của khu vực công nghiệp và xây dựng đều cao hơn mức tăng trưởng bình quân của nền kinh tế. Đặc biệt, mức độ tăng trưởng của khu vực công nghiệp và xây dựng bắt đầu đi xuống từ quý 4.2022 với mức độ tăng trưởng chỉ đạt 4,22% và tiếp tục giảm 0,4% trong quý 1.2023, đây là mức tăng trưởng rất thấp so với mức tăng trưởng chung của năm và so với cùng kỳ các năm trước đó (theo số liệu từ tổng cục thống kê). Số liệu thống kê đã cho thấy xu hướng đi xuống của của khu vực công nghiệp và xây dựng trong cả năm 2023.
- Theo đánh giá của Hiệp hội Doanh nghiệp Cọc Việt Nam (VIPA), sản phẩm cọc bê tông ly tâm dự ứng lực cung (PC&PHC) đã vượt xa cầu, ảnh hưởng đến các doanh nghiệp trong Hiệp hội Doanh nghiệp Cọc Việt Nam. Năng lực sản xuất dư thừa kết hợp với xu thế đi xuống của thị trường dẫn tới tình hình cạnh tranh vô cùng gay gắt.
- Giá các loại vật tư chính (thép DUL, xi măng, đá, cát...) có mức độ biến động bất thường đặc biệt là giá thép (biến động 7 lần trong 6 tháng đầu năm 2022) và giá xi măng liên tục tăng đã ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của TDC.

2./ Hoạt động sản xuất tại Công ty:

- Trong tình hình khó khăn chung, Công ty vẫn duy trì được công tác sản xuất đáp ứng các yêu cầu của khách hàng, tuy nhiên bắt đầu từ tháng 7/2022 sản lượng đơn hàng tụt giảm nghiêm trọng dẫn đến hoạt động sản xuất của Công ty cũng phải điều chỉnh, từ 2 ca/ngày xuống còn 1 ca/ngày

- Chất lượng sản phẩm được kiểm tra nghiêm ngặt, sản phẩm sản xuất luôn đạt chất lượng. Công ty đang thực hiện tốt chế độ kiểm tra, kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm và tiếp tục cải tiến để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm;
- Công tác vệ sinh môi trường và ATLĐ được quan tâm, công ty thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở và đã có nhiều chuyển biến tốt. Tuy nhiên do mặt bằng nhà máy quận 9 quá chật hẹp, máy móc cũ nên việc ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân và người dân chung quanh nhà máy là không thể tránh khỏi (chủ yếu là tiếng ồn, bụi, ...)

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
1	Trụ điện các loại	Trụ	90.000	89.154	99,06
2	Cọc BTLT các loại	Cọc	28.000	30.012	107,19
3	Cấu kiện Bê tông đúc sẵn	Cái	20.000	11.165	55,83

3./ Công tác bán hàng và tình hình tiêu thụ sản phẩm:

- Do nền kinh tế khó khăn, các dự án đầu tư công giải ngân thấp, phần nhiều công trình, dự án bị đình trệ dẫn đến nhu cầu sử dụng sản phẩm trụ điện và cọc bê tông bị giảm nghiêm trọng, trong khi công suất sản xuất của các đơn vị sản xuất, đối thủ khá lớn, dẫn đến tình trạng đua nhau giảm giá không lợi nhuận, thậm chí giảm bán lỗ để lấy hợp đồng để duy trì hoạt động sản xuất, việc làm cho người lao động.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Nhà máy tại Thủ Đức	Nhà máy tại Bến Cát	Tổng
Doanh thu	Tỷ đồng	61,959	194,586	256,545
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,007	10,544	12,551

4./ Công tác trích lập dự phòng và thu hồi công nợ:

- Phần lớn công nợ khó đòi đã được công ty trích lập dự phòng rủi ro. Trong năm 2022 công ty đã trích lập dự phòng như sau:
 - + Trích lập dự phòng Nợ khó đòi: 1,23 tỷ đồng
 - + Giảm giá đầu tư tài chính tại Bê tông ly tâm Hải Dương: 1,05 tỷ đồng
 - + Hoàn nhập bảo hành Sản phẩm: 12,617 tỷ đồng (trong đó, điện lực: 6,481 tỷ đồng)
- Công tác thu hồi công nợ khó đòi đang được tiếp tục thực hiện, Công ty đang thực hiện nhiều biện pháp thu hồi nợ như: liên hệ với khách hàng để trực tiếp thu hồi công nợ, khởi kiện ra tòa án, tuy nhiên việc thu hồi nợ rất khó khăn do các con nợ không còn tài sản hoặc không còn hoạt động.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022:

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2022	THỰC HIỆN NĂM 2022	TH 2022 / KH 2022 (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4) / (3)
Doanh thu	Tỷ đồng	310,000	256,545	82,76
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	26,000	13,700	52,69
Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	15,000	10,810	72,07
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	22,500	12,551	55,78

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2022	THỰC HIỆN NĂM 2022	TH 2022 / KH 2022 (%)
Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	%	35,08	19,57	55,78
Đầu tư XD CB	Tỷ đồng	7,600	0,561	7,38
Mua sắm, sửa chữa thiết bị	Tỷ đồng	5,350	4,638	86,69
Quỹ tiền lương	Tỷ đồng	58,280	48,661	83,50
Lao động bình quân	Người	330	304	92,12
Thu nhập bình quân	Trđ/tháng	14,717	13,339	90,64
Chi trả cổ tức 2021	%	20,00	30,00	150,00

III. DƯ KIẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, CHIA CỔ TỨC NĂM 2022:

Với kết quả SXKD đạt được năm 2022. HĐQT đề nghị phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2022 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
1	Vốn điều lệ	đồng	64.141.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	đồng	13.700.487.949
3	Thuế TNDN	đồng	1.148.952.816
4	Lợi nhuận sau thuế	đồng	12.551.535.133
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ	%	19,57
6	Lợi nhuận 2020 chuyển sang	đồng	-
7	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	đồng	12.551.535.133
8	Chi trả cổ tức (15% VĐL)	15%	9.618.436.500
9	Lợi nhuận còn lại	đồng	2.933.098.633
	Trích lập các quỹ:		
	Quỹ khen thưởng	đồng	300.000.000
	Quỹ phúc lợi	đồng	800.000.000
	Thưởng Ban điều hành (thưởng các cán bộ chủ chốt)	đồng	300.000.000
	Quỹ đầu tư phát triển	đồng	1.533.098.633

IV. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, SỬA CHỮA THIẾT BỊ:

4.1 Công tác Đầu tư xây dựng:

Nội dung	KH 2022 (đồng)	TH 2022 (đồng)	Chênh lệch (đồng)	Ghi chú
Xây dựng bãi thử Trụ và Cọc	600.000.000	561.048.700	(38.951.300)	
Xây dựng 2 bãi chứa sản phẩm	5.000.000.000	-	(5.000.000.000)	Chưa thực hiện

Nội dung	KH 2022 (đồng)	TH 2022 (đồng)	Chênh lệch (đồng)	Ghi chú
Dầm cầu trục 10 tấn cho 2 bãi chứa sản phẩm	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	Chưa thực hiện
Tổng cộng	7.600.000.000	561.048.700	(7.038.951.300)	

4.2 Công tác sửa chữa, mua sắm thiết bị, máy móc:

Nội dung	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng)	Kế hoạch (đồng)	Thực hiện (đồng)	Ghi chú
Mua Pa lăng 10T	Cái	2	450.000.000	900.000.000	630.540.000	Dự phòng
Mua Palang 5 T	Cái	8	125.000.000	1.000.000.000	1.056.000.000	
Mua động cơ Pa lang 10T	Cái	4	75.000.000	300.000.000	299.200.000	Dự phòng sửa chữa, thay thế
Mua động cơ Pa lang 5T	Cái	8	50.000.000	400.000.000	387.600.000	
Mua ro to, mâm thắng Pa lang 10T	Cái	10	42.000.000	420.000.000	422.000.000	
Mua ro to, mâm thắng Pa lang 5T	Cái	20	32.000.000	640.000.000	624.800.000	
Lắp đặt hệ thống sàng rửa cát đá Bến Cát	HT	1	800.000.000	800.000.000	Chưa thực hiện	KH 2021
Xe chở sản phẩm	Cái	1	90.000.000	90.000.000	203.400.223	
Cầu trục 5T+5T	Bộ	1	800.000.000	800.000.000	633.579.244	
Bộ đứng thao tác vệ sinh khuôn và siết boullon	Bộ	7	17.847.881		124.935.166	Phát sinh
Bãi lật nổi dài GD 2		1	59.240.945		59.240.945	
Bộ gá thử lực kéo đầu trụ	Bộ	1	160.483.659		160.483.659	
Bộ gá thử cọc D600	Bộ	1	36.522.642		36.522.642	
Tổng cộng:				5.350.000.000	4.638.301.879	

V. THÙ LAO HĐQT & BAN KIỂM SOÁT

Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT và BKS trong năm 2022 như sau:

STT	Chức danh	Số người	Số tiền (đồng)	Số tháng	Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	1	5.000.000	12	60.000.000	
2	Thành viên HĐQT	4	4.000.000	12	192.000.000	
3	Thư ký HĐQT	1	2.000.000	12	24.000.000	
4	Trưởng ban Kiểm soát	1	3.000.000	12	6.000.000	
5	Thành viên ban Kiểm soát	2	2.000.000	12	48.000.000	
	Tổng cộng				360.000.000	

PHẦN II:
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ NĂM 2023

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

- Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2023 được dự báo khoảng 6,5%, tuy nhiên đóng góp vào mức độ tăng trưởng chung của khu vực công nghiệp và xây dựng có xu hướng giảm dần (mức độ tăng trưởng của khu vực công nghiệp và xây dựng bắt đầu đi xuống từ quý 4.2022 với mức độ tăng trưởng chỉ đạt 4,22% và tiếp tục giảm 0,4% trong quý 1.2023). Từ đó có thể thấy rõ xu hướng đi xuống của khu vực công nghiệp và xây dựng trong cả năm 2023 và có thể còn kéo dài tới năm 2024 do thị trường bất động sản đi xuống, các dự án lớn chậm triển khai.
- Ngành điện tiếp tục chủ trương giảm hóa lưới điện Trung hạ thế nên việc tiêu thụ trụ điện các loại giảm sút nhiều.
- Các sản phẩm cọc bê tông ly tâm dự ứng lực cung (PC&PHC) vẫn tiếp tục trong tình trạng cung vượt xa cầu. Năng lực sản xuất dư thừa kết hợp với xu thế đi xuống của thị trường dẫn tới tình hình cạnh tranh vô cùng gay gắt. Bên cạnh đó, hầu hết các khách hàng đều đang và dự kiến sẽ tiếp tục khó khăn về tài chính dẫn tới công tác thu hồi công nợ rất khó khăn.
- Giá các loại vật tư chính (thép DUL, xi măng, đá, cát...) năm 2023, được nhận định có thể giảm do diễn biến giá cả hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu trên thế giới đang có xu hướng giảm do tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại. Tuy nhiên, mức độ biến động rất khó lường do các yếu tố địa chính trị trên thế giới và kinh tế vĩ mô trong nước.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT SẢN PHẨM NĂM 2023:

***. Kế hoạch thực hiện năm 2023**

TT	Loại sản phẩm	Đơn vị tính	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023			
				Thủ Đức	Bến Cát	Cộng	Tỷ lệ %
1	Cấu kiện bê tông đúc sẵn	Cái	11.165	2.610	11.129	13.739	123,07
2	Trụ BTLT các loại	Trụ	89.154	37.299	72.405	109.704	123,05
3	Cọc BTLT các loại	Cọc	30.012	9.971	26.959	36.930	123,05

III. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2022 (đồng)	KH 2023 (đồng)	KH 2023/TH 2022 (%)	GHI CHÚ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=(4)/(3))	(6)
Doanh thu	Tỷ đồng	256,545	315,680	123,05	
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	13,700	23,470	171,31	
Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	10,810	9,782	90,49	
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	12,551	20,000	159,35	
Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	%	19,57	31,18	159,35	
Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	0,561	-	-	
Mua sắm thiết bị thay thế, vật tư	Tỷ đồng	4,638	6,700	144,46	

71325
GTY
HÂN
3 LY TÀI
ĐỨC
P. HỒ C

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2022 (đồng)	KH 2023 (đồng)	KH 2023/TH 2022 (%)	GHI CHÚ
dự phòng					
Quỹ tiền lương	Tỷ đồng	48,661	58,400	120,01	
Lao động bình quân	Người	304	314	103,29	
Thu nhập bình quân	Trđ/tháng	13,339	15,499	116,19	
Chia cổ tức 2022	%	15%	15%	100,00	

Lợi nhuận kế hoạch 2023 đã bao gồm cổ tức năm 2022 của TDC1

IV. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, SỬA CHỮA THIẾT BỊ NĂM 2023

TT	Nội dung	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
A	VẬT TƯ DỰ PHÒNG SẢN XUẤT				
1	Bộ pa lăng Bungary 10T	Bộ	2	450.000.000	900.000.000
2	Rô-to mô-tơ palang	Cái	20	30.000.000	600.000.000
B	MUA MỚI THIẾT BỊ				
1	Hệ thống sàng cát rửa đá	HT	1	4.200.000.000	4.200.000.000
2	Máy lật sản phẩm	Cái	2	500.000.000	1.000.000.000
	Tổng cộng				6.700.000.000

V. KẾ HOẠCH CHI TRẢ THÙ LAO HĐQT & BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

STT	Chức danh	Số người	Số tiền (đồng)	Số tháng	Tổng cộng (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	1	5.000.000	12	60.000.000
2	Thành viên HĐQT	4	4.000.000	12	192.000.000
3	Thư ký HĐQT	1	2.000.000	12	24.000.000
4	Trưởng ban Kiểm soát	1	3.000.000	12	36.000.000
5	Thành viên ban Kiểm soát	2	2.000.000	12	48.000.000
	Tổng cộng:				360.000.000

VI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD, ĐẦU TƯ NĂM 2023:

- Tập trung tối đa cho công tác thị trường, một số trọng tâm chính như sau:
 - Giữ vững khách hàng truyền thống, mở rộng khách hàng mới đặc biệt là các dự án có nhu cầu lớn
 - Rà soát, điều chỉnh và trình phê duyệt qui chế bán hàng.

- Linh hoạt trong giá bán.
- Rà soát, điều chỉnh và tiếp tục chuẩn hoá công tác thu thập thông tin thị trường, báo giá, đàm phán hợp đồng, xuất hàng ... để nâng cao chất lượng dịch vụ bán hàng
- 2. Rà soát lại qui trình sản xuất, định mức, chi phí ... và tiết giảm chi phí sản xuất nhằm hạ giá thành sản xuất, nâng cao lợi thế cạnh tranh đặc biệt trong bối cảnh nhiều đối thủ cạnh tranh triển khai giải pháp cạnh tranh về giá.
- 3. Tập trung cao cho công tác thu hồi công nợ với mục tiêu giảm công nợ tới mức thấp nhất và xử lý dứt điểm các khoản nợ xấu, nợ khó đòi.
- 4. Rà soát công tác quản lý hợp đồng, dự thảo và ban hành qui định quản lý hợp đồng để hạn chế thấp nhất rủi ro cho hoạt động SXKD.
- 5. Tiếp tục nghiên cứu để tối ưu hoá công tác thiết kế, phối liệu và sử dụng các loại phụ gia ... nhằm giảm giá thành trong khi vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- 6. Duy trì và củng cố công tác kiểm soát chất lượng song song với tối ưu hoá thiết kế, phối liệu, sử dụng phụ gia để đảm bảo giảm tới mức thấp nhất tỷ lệ sản phẩm lỗi và duy trì chất lượng sản phẩm.
- 7. Rà soát, đánh giá năng lực CBCNV đặc biệt là đối với CBCNV liên quan tới bán hàng và thu hồi công nợ, tổ chức các lớp đào tạo để nâng cao năng lực.
- 8. Rà soát lại công tác vận hành, sửa chữa thiết bị và dây chuyền sản xuất theo hướng nâng cao hiệu quả khai thác thiết bị và dây chuyền sản xuất.
- 9. Rà soát lại công tác nhập nguyên nhiên liệu đầu vào, kiểm soát tồn kho sản phẩm ... và tối ưu hoá giá trị tồn kho theo hướng linh hoạt phù hợp với dự báo thị trường để giảm tới mức thấp nhất giá trị tồn kho trong khi vẫn duy trì ổn định sản xuất và giao hàng.
- 10. Tiếp tục tính toán các giải pháp để chuyển đổi khai thác, kinh doanh mặt bằng hiện tại của nhà máy Thủ Đức để chủ động thực hiện khi bắt buộc phải di dời nhà máy hoặc phương án kinh doanh khác có hiệu quả hơn so với việc sản xuất hiện tại.
- 11. Tiếp tục thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015.
- 12. Rà soát các qui định liên quan tới an toàn, điều chỉnh kịp thời và triển khai áp dụng để đảm bảo phù hợp với qui định pháp luật, qui định quản lý. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác an toàn trong quá trình SXKD.

Trên đây là nội dung báo cáo trình Hội đồng quản trị công ty xem xét, chỉ đạo.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch



Đỗ Chí Nguyễn





DỰ THẢO

TP Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

- Căn cứ Luật DN và Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty CP BTLT Thủ Đức;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2022 Công ty CP BTLT Thủ Đức;
- Căn cứ BCTC năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam;
- Căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

Ban kiểm soát xin được báo cáo Đại hội đồng cổ đông Các nội dung sau:

- + *Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022.*
- + *Kết quả tình hình SXKD năm 2022.*
- + *Hoạt động của HĐQT và Ban điều hành năm 2022.*
- + *Nhận xét và một số kiến nghị.*

I/ Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022:

1. Việc thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Nghị quyết	Thực hiện	TH/NQ (%)
1	Lợi nhuận sau thuế phân phối	28.262	28.262	100%
2	Phân phối lợi nhuận			
a	Chia cổ tức (30% VDL)	19.237	19.237	100%
b	Trích lập các quỹ	9.025	9.025	100%
	- Quỹ ĐTPT	4.025	4.025	
	- Quỹ khen thưởng	2.500	2.500	
	- Quỹ Phúc lợi	1.000	1.000	
	- Quỹ thưởng HĐQT, BKS, BĐH	1.500	1.500	

Nhận xét:

- Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận theo đúng Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2022.

- Đối với cổ tức 2021 phải trả phải trả cổ đông (30% VDL) là 19,237 tỷ đồng, Công ty đã chi trả hết cho các cổ đông. Riêng cổ tức phải trả cổ đông là Tổng công ty số tiền 9,8 tỷ

đồng, đến thời điểm kiểm tra Công ty đã thanh toán 3,5 tỷ đồng, số còn lại chưa thanh toán 6,3 tỷ đồng.

2. Nghị quyết về kế hoạch SXKD và đầu tư 2022.

a. Về sản xuất kinh doanh

DVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	%TH/KH
1	Tổng doanh thu và thu nhập	310.000	265.592	85,7%
-	Doanh thu bán hàng (*)		256.545	
-	Doanh thu tài chính		8.476	
-	Thu nhập khác		571	
2	Lợi nhuận sau thuế (**)	22.500	12.551	55,8%
3	Mua sắm, SCTB, ĐTXDCB	12.950	5.196	
4	Tổng quỹ lương (trên DT 310 tỷ)	58.280	48.661	<i>Không bao gồm lương gia công các sản phẩm cơ khí</i>
5	Thu nhập bình quân	14,717	13,339	

Nhận xét:

- Năm 2022, tổng doanh thu và thu nhập khác là 265,592 tỷ đồng đạt 85,7% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế là 12,551 tỷ đồng, đạt 55,8% kế hoạch, giảm 15,711 tỷ đồng so với năm 2021 (28,262 tỷ đồng).

- Lợi nhuận sau thuế năm 2022 (*ương ứng 19,56% VDL*) sẽ được phân phối (các quỹ và chia cổ tức) sẽ được ĐHCĐ thường niên năm 2023 quyết định thông qua.

- (*) *Phân tích doanh thu, lợi nhuận bán hàng:*

DVT: Tỷ đồng

TT	Sản phẩm	Doanh thu	LN gộp	Tỷ lệ LNG/DT (%)	Ghi chú
1	Trụ điện các loại	177,4	24,8	14	
2	Cọc các loại	59,9	2,6	4,3	
3	Cấu kiện bê tông	2,9	0,4	16,2	
4	Dịch vụ khác	16,1	0,2	1,5	
	Tổng cộng	256,5	28,1		

- (**) *Phân tích, đánh giá lợi nhuận năm 2022:*

Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2022: 12,551 tỷ đồng, trong đó:

+ *Lợi nhuận từ thu cổ tức năm 2021 tại TDC1:* 8,160 tỷ đồng.

+ Lợi nhuận cho thuê HT điện mặt trời áp mái:	0,278 tỷ đồng.
+ Lợi nhuận từ hoàn nhập bảo hành SP:	4,33 tỷ đồng.
+ Lợi nhuận từ hoàn nhập nợ khó đòi:	0,1 tỷ đồng.
+ Lỗ do trích lập DP ĐTTC tại BTLT VINAINCON:	(1,046) tỷ đồng.
+ Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất (*):	0,76 tỷ đồng.

(* Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất đã bao gồm phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp 15 tỷ đồng và chi phí tài chính 9,89 tỷ đồng)

- Phân tích, đánh giá nguyên nhân lợi nhuận năm 2022 giảm so với năm 2021:

Lợi nhuận sau thuế năm 2022 (12,551 tỷ đồng), giảm 15,710 tỷ đồng so với năm 2021 (28,262 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu là do:

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Lỗ do chi phí khấu hao TSCĐ tăng	(3,043)	
2	Lỗ do chi phí lãi vay tăng	(450)	
3	Lỗ chênh lệch đơn giá chi phí NVL đầu vào của một số vật tư chính (sắt thép, xi măng) tăng	(11,354)	Chi tiết tại Phụ lục 01
	Trong đó:		
-	Chênh lệch đơn giá sắt, thép các loại	(6,878)	
-	Chênh lệch đơn xi măng, cát đá các loại	(4,476)	
4	Lãi do chênh lệch đơn giá bán sản phẩm, tăng	4,335	Chi tiết tại Phụ lục 02
	Trong đó:		
-	Chênh lệch đơn giá bán cọc	(0,417)	
-	Chênh lệch đơn giá bán trụ	4,752	
	Tổng cộng (1+2+3+4)	(10,512)	

b. Về đầu tư XDCB

TT	Danh mục tài sản	Kế hoạch	Thực hiện	Ghi chú
I	Đầu tư xây dựng	7.600	561	
1	XD bãi thử trụ và cọc	600	561	
2	XD 2 bãi chứa SP	5.000		
3	Dầm cầu trục 10 tấn cho 2 bãi chứa	2.000		
II	Đầu tư mua sắm	5.350	4.256	
1	Palang 10 tấn - 2 cái	900	630	
2	Palang 5 tấn - 8 cái	1.000	1.056	
3	Động cơ Palang 10T- 4 cái	300	300	
4	Động cơ Palang 5T - 8 cái	400	387	
5	Roto, mâm thắng Palang - 10 cái	420	422	
6	Roto, mâm thắng Palang - 20 cái	640	625	

7	Lắp đặt HT sàng rửa cát đá Bết Cát	800		Chưa TH
8	Xe chở SP - 01 cái	90	203	
9	Cầu trụ 5T+5T - 01 bộ	800	633	
III	Đầu tư ngoài kế hoạch		379	
1	Bệ đứng thao tác vệ sinh khuôn và siết boulon - 7 bộ		124	Phát sinh
2	Bãi lật nổi dài GD2 - 01 HT		59	Phát sinh
3	Bộ gá thử lực kéo đầu trụ		160	Phát sinh
4	Bộ gá thử cọc D600		36	Phát sinh
	Tổng cộng	12.950	5.196	39,6%

Nhận xét:

- Đầu tư trong kế hoạch: Được BDH triển khai thực hiện theo kế hoạch đã được phê duyệt, phù hợp với Điều lệ và quy định của Công ty.

- Đầu tư ngoài kế hoạch: Đã được HĐQT thông qua tại Biên bản họp ngày 16/12/2022, phù hợp với Điều lệ và quy định của Công ty.

c. Tình hình thực hiện DAXD Nhà máy Bết Cát:

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2	Tổng cộng	Ghi chú
1	Giá trị TH đầu tư (trước thuế)	129.858	27.455	157.313	
2	Giá trị đã thanh toán	139.512	29.478	168.990	
	- Nguồn vay	58.887	13.552	72.439	
	- Nguồn tự có (Vốn CSH)	80.645	15.926	96.571	

Ghi chú:

- Đầu tư GD1: HĐQT phê duyệt 18 gói thầu; đã thực hiện 15 gói thầu

- Đầu tư GD2: HĐQT phê duyệt 05 gói thầu; đã thực hiện 05 gói thầu

d. Hoạt động SXKD của Nhà máy tại Bết Cát

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2022	Ghi chú
1	Doanh thu bán hàng	194.586	Nhà máy SX
2	Giá vốn bán hàng	177.112	
3	LN gộp (1-2)	17.473	
4	Doanh thu tài chính		
5	Chi phí tài chính (lãi vay)	4.938	
6	Chi phí bán hàng	1.081	
7	Chi phí quản lý	9.105	
8	Thu nhập khác	278	

9	Chi phí khác	0,158	
10	Lợi nhuận thực hiện (3+4+8-5-6-7-9)	2.626	

Ghi chú: Doanh thu tại Nhà máy Bến Cát chiếm tỷ trọng 76% doanh thu Công ty.

3. Nghị quyết về thù lao năm 2022 cho HĐQT và Ban kiểm soát:

TT	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện chi trả	%TH/KH
1	Thù lao HĐQT, Thư ký	276.000.000	276.000.000	100
2	Thù lao Ban kiểm soát	84.000.000	84.000.000	100
	Tổng cộng	360.000.000	360.000.000	100

Công ty thực hiện chi trả đầy đủ thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2022 theo đúng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông với tổng số tiền 360 triệu đồng.

4. Nghị quyết về kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022:

Năm 2022, Ban điều hành Công ty trình HĐQT lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam thực hiện kiểm toán BCTC năm 2022 và được HĐQT thông qua tại Quyết định số 493/QĐ-TDC-HĐQT ngày 04/08/2022.

5. Nghị quyết về thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh:

Công ty đã đăng ký, bổ sung ngành nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 04/10/2022 của Sở kế hoạch và đầu tư TP HCM.

II. Về Báo cáo tài chính năm 2022.

Một số chỉ tiêu trong BCTC 2022 (đã được kiểm toán bởi Công ty CPA Việt Nam)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ	Hợp nhất (*)
I	Tổng tài sản	312.171	769.233
1	Tài sản ngắn hạn	122.133	517.008
-	Phải thu khách hàng	76.246	357.701
-	Hàng tồn kho	57.156	169.683
2	Tài sản dài hạn	190.038	252.224
-	Tài sản cố định hữu hình	136.131	216.856
II	Tổng nguồn vốn	312.171	769.233
1	Nợ phải trả	154.367	516.872
-	Nợ ngắn hạn	125.405	484.713
-	Nợ dài hạn	28.962	32.159
2	Vốn chủ sở hữu	157.803	252.361
-	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	64.141	64.141
-	LNST chưa phân phối	12.551	22.102
III	Kết quả kinh doanh		
1	Tổng DT (DTBH+DT khác)	265.591	728.727
2	Lợi nhuận sau thuế	12.551	15.969

- (*) BCTC hợp nhất bao gồm số liệu Công ty mẹ và Công ty con (Công ty CP BTLT Thủ Đức 1)
- Năm 2022, kết quả kinh doanh của Công ty CP BTLT Thủ Đức 1 như sau:
 - + Tổng doanh thu: 472,721 tỷ đồng.
 - + Lợi nhuận sau thuế: 12,344 tỷ đồng (tương ứng 15,43%/Vốn ĐL).
- Việc phân phối lợi nhuận năm 2022 của TDC1 do ĐHCĐ thường niên năm 2023 xem xét, quyết định.

III. Đánh giá, nhận xét một số nội dung về hoạt động quản lý và SXKD.

1/ Công tác quản lý và thu hồi công nợ:

Theo sổ sách kế toán, đến 31/12/2022 công nợ phải thu của khách hàng là 76,2 tỷ đồng, giảm 6,7 tỷ đồng so với năm 2021 (82,9 tỷ đồng), trong đó công nợ phải thu khó đòi Công ty xác định là 30,466 tỷ đồng (bao gồm 42 đối tượng). Trong năm Công ty thu hồi được 05 khách hàng với số tiền 1,33 tỷ đồng, đã được hạch toán vào kết quả kinh doanh năm 2022. Riêng đối với công nợ phải thu khó đòi của Công ty CP ĐT công nghệ cao (Sopewaco) số tiền 21,5 tỷ đồng (Công ty đã trích lập dự phòng 100%, đã báo cáo tại các kỳ Đại hội trước) gần như chắc chắn không thu được.

Công ty đã thành lập Ban thu hồi công nợ (quyết định số 618/QĐ-TDC ngày 19/09/2016) thực hiện thu hồi các khoản nợ tồn đọng, tuy nhiên việc thu hồi còn chậm, chưa đạt được hiệu quả như kỳ vọng, trong năm 2022 thu được 05 khách hàng với số tiền 1,3 tỷ đồng.

2/ Công tác trích lập dự phòng khó đòi và đầu tư tài chính:

a. Dự phòng nợ phải thu khó đòi:

- Hoàn nhập dự phòng (05 khách hàng) với số tiền 1,33 tỷ đồng.
- Trích lập bổ sung (13 khách hàng) với số tiền 1,22 tỷ đồng.
- Tổng số đã trích lập dự phòng lũy kế đến 31/12/2022 là 29,27 tỷ đồng (gồm 39 đối tượng), trong đó các khoản nợ quá hạn trên 3 năm là 28,2 tỷ đồng, quá hạn dưới 1 năm là 1,03 tỷ đồng

b/ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn:

Năm 2022, Công ty trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính tại doanh nghiệp khác (Công ty CP BTLT VINAINCON) số tiền 1,046 tỷ đồng. Lũy kế đến 31/12/2021, số dư trích lập dự phòng đầu tư tài chính là 7,305 tỷ đồng.

c/ Dự phòng bảo hành sản phẩm

Năm 2022, Công ty hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm (đã trích từ năm 2021) số tiền 12,62 tỷ đồng, đồng thời trích lập bổ sung bảo hành cho các sản phẩm năm 2022 là 8,3 tỷ đồng.

(Chi tiết các khoản dự phòng có bảng kê chi tiết kèm theo).

3/ Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Năm 2022, Công ty không góp vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác. Vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác đến 12/12/2022 là 48,8 tỷ đồng, cụ thể:

+ Đầu tư vào Công ty CP BTLT Thủ Đức 1 (Công ty con, sở hữu 51%) là 40,8 tỷ/80 tỷ đồng. Cổ tức được chia năm 2021 đã hạch toán vào KQKD năm 2022 theo Nghị quyết ĐHCĐ TDC1 là 20%, tương ứng số tiền 8,2 tỷ đồng. Đến thời điểm kiểm tra, Công ty mới thu được 2,9 tỷ đồng, số còn lại chưa thu hồi được 5,3 tỷ đồng.

+ Đầu tư vào Công ty CP BTLT VINAINCON (Công ty liên kết, sở hữu 20%) là 8 tỷ/40 tỷ đồng. Công ty BTLT VINAINCON nhiều năm nay SXKD thua lỗ nên không có thu nhập từ việc đầu tư tại Công ty CP BTLT VINAINCON.

4/ Quản lý, sử dụng tài sản cố định:

Tại ngày 31/12/2021, tài sản cố định (hữu hình) của Công ty như sau:

- Nguyên giá: 219,1 tỷ đồng (gồm 634 danh mục tài sản).
- Giá trị còn lại: 136,1 tỷ đồng (gồm 435 danh mục tài sản).

Năm 2022, Công ty ghi nhận tăng một số danh mục tài sản cố định với nguyên giá là 5,2 tỷ đồng, trong đó tăng từ đầu tư mua sắm là 3,4 tỷ đồng và tăng từ ĐTXDCB hoàn thành là 1,8 tỷ đồng.

Trình tự, thủ tục đầu tư, mua sắm và thanh lý tài sản được Ban điều hành Công ty thực hiện theo thẩm quyền, phù hợp với Điều lệ Công ty.

Trong năm 2022, Công ty không thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

Khấu hao tài sản trong năm 2021 là 17,024 tỷ đồng, tăng 3,043 tỷ đồng so với năm 2021 (13.981 triệu đồng).

5/ Vay ngân hàng:

Các khoản vay nợ ngân hàng của Công ty chủ yếu tại Ngân hàng Công Thương VN – Chi nhánh Đông Sài Gòn. Đến thời điểm 31/12/2022, tình hình nợ vay ngân hàng như sau:

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Số dư 01/01/2022	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số dư 31/12/2022
1	Vay ngắn hạn	36.968	133.067	106.897	63.139
2	Vay dài hạn	32.235	3.586	6.859	28.962
	Cộng	69.203	177.434	180.949	92.101

- Số dư vay ngắn hạn thời điểm 31/12/2022 là 63,139 tỷ đồng trong đó dư vay ngắn hạn là 60,309 tỷ đồng và nợ dài hạn đến hạn trả là 2,8 tỷ đồng.

- Chi phí lãi vay phát sinh năm 2022 là 6,9 tỷ đồng, tăng 0,5 tỷ đồng so với năm 2021 với năm 2020 (6,4 tỷ đồng).

6/ Công tác lao động, tiền lương.

Hàng năm, Công ty thực hiện lập báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, quỹ tiền lương năm 2022 được Tổ thẩm định quyết toán tiền lương của Tổng công ty VINAINCON kiểm tra (theo quyết định 06/QĐ-VINAINCON-TCNS ngày 01/02/2023).

Tổng quỹ lương thực hiện 48,6 tỷ đồng (không bao gồm lương gia công các sản phẩm cơ khí), bao gồm: quỹ lương người quản lý 1,7 tỷ đồng, quỹ lương người quản lý không chuyên trách 0,4 tỷ đồng và quỹ lương của người lao động 46,1 tỷ đồng.

Quỹ lương thực hiện 2022 phù hợp với quỹ lương được Đại hội cổ đông thường niên 2022 thông qua.

- Thu nhập bình quân của người lao động 13,3 triệu đồng/người/tháng.

7/ Công tác bán hàng và quản lý hợp đồng.

Quy chế bán hàng của Công ty được xây dựng năm 2015, đến nay còn một số điểm chưa phù hợp với thực tế (chưa quy định cụ thể chức năng nhiệm vụ của các bộ phận liên quan đến công tác bán hàng và thu hồi công nợ,...), việc bán hàng và giao hàng cho một số

khách hàng chưa thực hiện theo Quy chế bán hàng và hợp đồng (đã được Ban kiểm soát nêu tại Biên bản kiểm tra tài chính năm 2022).

Bên cạnh đó, công tác nghiệm thu, xuất hóa đơn ghi nhận doanh thu đối với hàng gửi bán còn chậm dẫn đến tình trạng doanh thu chưa được ghi nhận kịp thời, tiềm ẩn rủi ro về nghĩa vụ thuế trong trường hợp thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền.

IV. Hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát năm 2022

- Năm 2022, HĐQT Công ty đã tổ chức 08 cuộc họp để quyết định, thông qua một số nội dung liên quan đến hoạt động SXKD, đầu tư và công tác nhân sự Giám đốc Công ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành đều có sự tham gia đầy đủ và thống nhất của các thành viên theo đúng thẩm quyền, phù hợp với qui định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Ban Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD, đầu tư; thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ theo điều lệ Công ty, Nghị quyết của HĐQT và Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát việc tuân thủ nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT và Ban điều hành; thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động SXKD 6 tháng, hàng năm; được mời tham gia các cuộc họp của HĐQT để thảo luận các nội dung liên quan đến hoạt động SXKD, đầu tư của Công ty; tham gia, đóng góp các ý kiến với HĐQT, Ban điều hành về công tác tài chính, kế toán,...đảm bảo tình hình tài chính của Công ty rõ ràng, minh bạch. Ban kiểm soát được HĐQT và Ban điều hành tạo điều kiện, hỗ trợ trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty.

V. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ.

1. Nhận xét:

Năm 2022, mặc dầu HĐQT, Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực cố gắng trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty vẫn kinh doanh có lãi, tạo được việc làm và thu nhập cho người lao động, hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Tuy nhiên do có nhiều khó khăn, hoạt động SXKD chịu ảnh hưởng của điều chỉnh chính sách vĩ mô của nhà nước liên quan đến lĩnh vực bất động sản, tín dụng ngân hàng, tàn dư của dịch bệnh, giá cả vật tư biến động, dẫn đến nhiều dự án bị đình trệ, không triển khai được, không ký được nhiều các hợp đồng mới; sản phẩm của công ty chịu sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường, khó tăng giá bán, trong khi giá cả vật tư đặc biệt sắt thép, xi măng tăng cao; doanh thu chỉ đạt 85,7% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt 55,8% kế hoạch. Chưa hoàn thành được các chỉ do Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã đề ra;

3. Kiến nghị:

- Đề nghị Ban điều hành công ty tăng cường công tác thị trường, tiêu thụ sản phẩm, phát huy tối đa công suất của hai nhà máy; nghiên cứu sản xuất các sản phẩm mới để đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty ổn định lâu dài;

- Tăng cường công tác quản lý nợ, hạn chế phát sinh nợ khó đòi; hoàn thiện đầy đủ hồ sơ pháp lý đối với các khoản công nợ phải thu kho đòi đã trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Đề nghị Ban điều hành Công ty: (1) Sửa đổi bổ sung Quy chế tài chính, Quy chế bán hàng (*ban hành năm 2015*), Xây dựng Quy chế quản lý công nợ cho phù hợp thực tế sản xuất kinh doanh và quy định của pháp luật hiện hành trình HĐQT phê duyệt; (2) Công khai

các hợp đồng kinh tế của người có liên quan theo quy định Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành; (3) Xây dựng quy trình/quy định thu hồi công nợ, gắn trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện hợp đồng, tránh phát sinh tiềm ẩn rủi ro trong quá trình bán hàng, thu hồi công nợ; (4) Đẩy nhanh tiến độ nghiệm thu đối với hàng gửi bán để ghi nhận doanh thu được kịp thời.

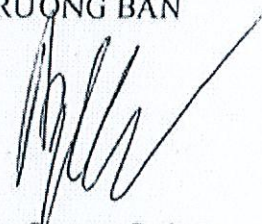
- Đề nghị Ban điều hành đánh giá, rà soát các hạng mục, gói thầu; hoàn thiện hồ sơ quyết toán trình HĐQT phê duyệt quyết toán hoàn thành giai đoạn 1 và 2 Dự án Nhà máy tại Bến Cát, Bình Dương.

- Đề nghị Công ty yêu cầu Công ty TDC1 thanh toán số cổ tức còn lại của năm 2021 số tiền là 5,3 tỷ đồng; thanh toán số cổ tức còn lại năm 2021 chưa trả Tổng công ty VINAINCON số tiền là 6,3 tỷ đồng.

Trên đây là các nội dung Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát xin chân thành cảm ơn HĐQT, Ban điều hành và các cổ đông Công ty đã tin tưởng và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát hoàn thành hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đặng Quang Cường



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Số: 150/2023/BCKT-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức, được lập ngày 25/3/2023, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Lê Thanh Tùng Lâm**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 5475-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		122.133.138.212	120.360.320.033
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.633.860.525	8.115.809.290
1. Tiền	111		4.633.860.525	8.115.809.290
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.037.937.003	62.466.915.130
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	76.246.167.596	82.889.268.271
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	674.273.752	155.708.247
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	12.387.955.190	8.796.995.067
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(29.270.459.535)	(29.375.056.455)
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	57.110.293.500	49.777.595.613
1. Hàng tồn kho	141		57.156.884.088	49.824.186.201
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(46.590.588)	(46.590.588)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		351.047.184	-
1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	351.047.184	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		190.038.084.846	204.162.308.556
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		136.131.009.722	147.963.592.113
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	136.125.176.372	147.950.758.767
- Nguyên giá	222		219.105.674.155	213.906.323.576
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.980.497.783)	(65.955.564.809)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	5.833.350	12.833.346
- Nguyên giá	228		35.000.000	35.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.166.650)	(22.166.654)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		105.147.331	494.926.157
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	105.147.331	494.926.157
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	41.494.517.651	42.541.127.551
1. Đầu tư vào công ty con	251		40.800.000.000	40.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		8.000.000.000	8.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.305.482.349)	(6.258.872.449)
VI Tài sản dài hạn khác	260		12.307.410.142	13.162.662.735
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	12.307.410.142	13.162.662.735
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		312.171.223.058	324.522.628.589

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		154.367.484.593	155.033.552.257
I- Nợ ngắn hạn	310		125.405.163.257	122.274.106.574
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	27.730.333.673	26.361.068.852
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	1.952.268.727	6.713.031.073
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	759.650.940	5.151.181.489
4. Phải trả người lao động	314		13.685.445.153	25.118.272.993
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	8.676.817.198	5.535.610.579
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	63.139.536.527	36.968.799.905
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.17	8.289.513.080	12.617.543.724
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.171.597.959	3.808.597.959
II- Nợ dài hạn	330		28.962.321.336	32.759.445.683
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	-	524.209.001
2. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.16	28.962.321.336	32.235.236.682
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		157.803.738.465	169.489.076.332
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	157.803.738.465	169.489.076.332
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		64.141.000.000	64.141.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		64.141.000.000	64.141.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.737.500.000	6.737.500.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(18.090.000)	(18.090.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		74.391.793.332	70.366.744.390
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.551.535.133	28.261.921.942
- LNST chưa phân phối kì này	421b		12.551.535.133	28.261.921.942
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		312.171.223.058	324.522.628.589

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

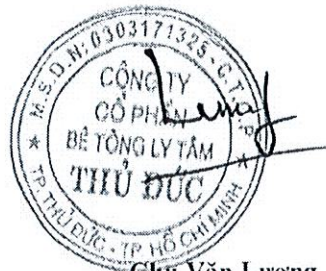
Giám đốc



Bùi Minh Trúc



Phạm Anh Linh



Chữ Văn Lượng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

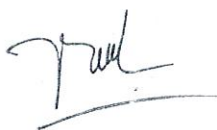
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	256.545.546.437	300.607.474.770
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		256.545.546.437	300.607.474.770
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	228.403.117.987	246.330.657.853
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		28.142.428.450	54.276.816.917
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	8.475.999.940	9.575.857.046
7. Chi phí tài chính	22	6.4	9.895.374.968	8.117.235.201
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.854.110.431	6.404.649.337
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	(1.625.204.785)	3.280.832.977
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	15.006.817.517	17.250.305.707
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		13.341.440.690	35.204.300.078
11. Thu nhập khác	31	6.7	570.843.041	1.190.814.830
12. Chi phí khác	32	6.7	211.795.782	3.143.889.356
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.7	359.047.259	(1.953.074.526)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		13.700.487.949	33.251.225.552
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.148.952.816	4.989.303.610
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		12.551.535.133	28.261.921.942

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Bùi Minh Trúc

Phạm Anh Linh

Chu Văn Lượng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.700.487.949	33.251.225.552
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		17.031.932.970	13.990.479.818
- Các khoản dự phòng	03		(3.386.017.664)	1.322.187.996
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.682.235.636)	(10.295.450.225)
- Chi phí lãi vay	06		6.854.110.431	6.404.649.337
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		21.518.278.050	44.673.092.478
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.342.527.863	6.464.219.437
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.332.697.887)	(16.486.516.463)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(20.466.821.632)	4.958.744.534
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		855.252.593	300.991.084
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.751.410.178)	(6.751.410.178)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.137.547.675)	(6.224.183.329)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.611.951.058)	(3.960.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.584.369.924)	22.974.437.563
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(4.809.571.753)	(37.228.428.788)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	737.040.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(34.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	59.300.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.522.235.636	5.070.410.225
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(287.336.117)	(6.920.978.563)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		133.824.314.708	177.434.112.078
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(110.926.493.432)	(180.949.510.686)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.508.064.000)	(19.983.370.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.389.757.276	(23.498.768.608)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(3.481.948.765)	(7.445.309.608)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.115.809.290	15.561.118.898
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	4.633.860.525	8.115.809.290

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2023

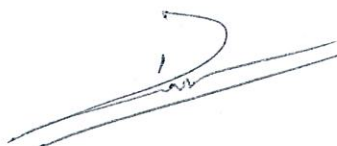
Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Minh Trúc



Phạm Anh Linh



Chu Văn Lượng



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Số: 151/2023/BCKTHN-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức, được lập ngày 25/3/2023, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Lê Thanh Tùng Lâm**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 5475-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		517.008.955.129	556.487.421.777
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	29.539.420.524	44.965.236.121
1. Tiền	111		29.539.420.524	41.465.236.121
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.500.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	9.015.630.136	7.400.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.015.630.136	7.400.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		308.466.258.993	294.923.214.798
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	357.701.702.707	347.489.833.817
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.745.971.104	3.234.505.223
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	5.988.504.694	6.044.522.128
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(57.969.919.512)	(61.845.646.370)
IV- Hàng tồn kho	140	5.7	169.636.598.292	207.037.719.255
1. Hàng tồn kho	141		169.683.188.880	207.084.309.843
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(46.590.588)	(46.590.588)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		351.047.184	2.161.251.603
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.161.251.603
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		252.224.836.528	271.027.653.939
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		216.856.180.217	231.228.544.045
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	211.378.680.193	225.074.044.029
- Nguyên giá	222		397.592.095.839	382.226.495.975
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(186.213.415.646)	(157.152.451.946)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.9	5.471.666.674	6.141.666.670
- Nguyên giá	225		6.700.000.000	6.700.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.228.333.326)	(558.333.330)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	5.833.350	12.833.346
- Nguyên giá	228		98.100.000	98.100.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(92.266.650)	(85.266.654)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	1.000.000.000	1.000.000.000
1. Nguyên giá	231		1.000.000.000	1.000.000.000
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		932.214.133	4.417.382.062
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	932.214.133	4.417.382.062
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		778.048.700	1.741.127.551
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	778.048.700	1.741.127.551
VI Tài sản dài hạn khác	260		32.658.393.478	32.640.600.281
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	32.427.262.531	32.640.600.281
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		769.233.791.657	827.515.075.716

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

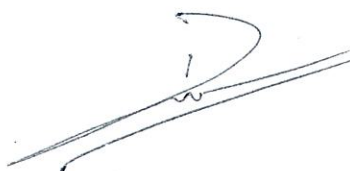
NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330) (300 = 310+330)	300		516.872.480.256	549.534.716.485
I- Nợ ngắn hạn	310		484.713.289.148	512.285.703.891
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	175.038.060.415	223.752.051.071
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	52.790.233.613	48.497.498.009
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	7.439.761.304	11.772.476.944
4. Phải trả người lao động	314		26.598.765.423	44.813.659.743
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	3.541.848.960	3.385.362.273
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	17.443.577.348	7.062.192.875
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	183.680.000.209	151.251.540.017
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.20	8.289.513.080	12.617.543.724
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		9.891.528.796	9.133.379.235
II- Nợ dài hạn	330		32.159.191.108	37.249.012.594
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	-	524.209.001
2. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.19	30.698.094.638	36.113.521.250
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.21	1.461.096.470	611.282.343
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		252.361.311.401	277.980.359.231
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.22	252.361.311.401	277.980.359.231
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		64.141.000.000	64.141.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		64.141.000.000	64.141.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.737.500.000	6.737.500.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(18.090.000)	(18.090.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		92.398.135.804	87.384.937.360
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.102.547.802	44.083.634.902
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.181.563.458	11.577.983.964
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		9.920.984.344	32.505.650.938
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		67.000.217.795	75.651.376.969
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		769.233.791.657	827.515.075.716

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc


Bùi Minh Trúc

Phạm Anh Linh

Chu Văn Lượng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	726.179.396.280	1.202.118.007.800
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		726.179.396.280	1.202.118.007.800
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	653.729.217.832	1.086.291.346.579
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		72.450.178.448	115.826.661.221
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.006.616.115	1.905.162.437
7. Chi phí tài chính	22	6.4	17.227.980.328	12.560.084.214
Trong đó: Chi phí lãi vay		23	14.752.008.019	11.846.446.610
8. Phần lãi trong công ty liên kết	24		(963.078.851)	(1.062.102.528)
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	588.348.574	4.971.226.705
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	33.390.426.103	41.991.983.140
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		21.286.960.707	57.146.427.071
12. Thu nhập khác	31	6.7	1.542.796.763	2.688.277.997
13. Chi phí khác	32	6.7	1.692.544.777	3.155.531.376
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.7	(149.748.014)	(467.253.379)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		21.137.212.693	56.679.173.692
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	4.548.704.343	11.447.703.707
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	618.683.180	212.420.506
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		15.969.825.170	45.019.049.479
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		9.920.984.344	32.505.650.938
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.048.840.826	12.513.398.541
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	1.547	3.876

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

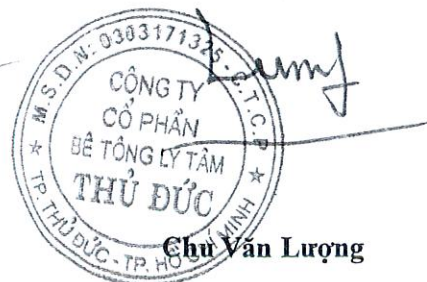
Giám đốc



Bùi Minh Trúc



Phạm Anh Linh



Chu Văn Lượng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

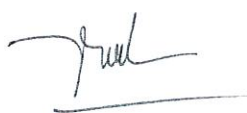
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.137.212.693	56.679.173.692
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		30.194.555.976	26.644.411.798
- Các khoản dự phòng	03		(8.203.757.502)	160.598.168
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.178.492.922)	(2.810.027.566)
- Chi phí lãi vay	06		14.752.008.019	11.846.446.610
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		56.701.526.264	92.520.602.702
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.676.339.653)	(32.883.706.549)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		37.401.120.963	(36.977.339.037)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(59.649.127.265)	(17.139.896.169)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		213.337.750	1.112.884.806
- Tiền lãi vay đã trả	14		(11.881.253.751)	(11.881.253.751)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.575.212.252)	(12.874.171.421)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.441.850.439)	(4.920.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.907.798.383)	(23.043.079.419)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.569.053.176)	(55.509.849.825)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.499.674.639	1.551.174.639
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.615.630.136)	(34.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	59.300.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		462.021.879	1.418.351.705
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.222.986.794)	(28.040.323.481)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		359.892.420.034	418.853.209.894
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(331.282.553.654)	(368.606.132.396)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1.596.832.800)	(273.929.500)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(25.308.064.000)	(24.034.070.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.704.969.580	25.939.077.898
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(15.425.815.597)	(25.144.325.002)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		44.965.236.121	70.109.561.123
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	29.539.420.524	44.965.236.121

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

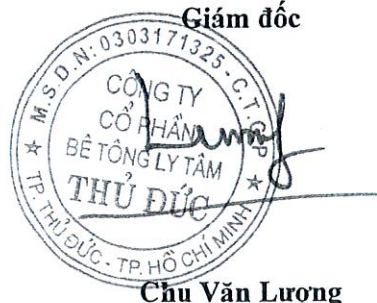
Giám đốc



Bùi Minh Trúc



Phạm Anh Linh



CHU VĂN LƯỢNG

Số: 237 /2023/TTr/ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Trên cơ sở tài liệu đã được trình bày trước Đại hội, Đoàn chủ tịch đề nghị Quý Cổ đông thảo luận và cho ý kiến biểu quyết một số vấn đề trọng tâm cần thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

NỘI DUNG 1: Thông qua các Báo cáo năm 2022:

Đề nghị Đại hội thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị-Ban giám đốc; Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022 với các chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Doanh thu	tỷ đồng	256,545
2	Lợi nhuận sau thuế	"	12,551
3	Đầu tư XDCB + TSCĐ + SCL	"	5,199
4	Lao động bình quân	Người	304
5	Thu nhập bình quân	Tr/tháng	13,339
6	Tổng quỹ lương	tỷ đồng	48,661

NỘI DUNG 2: Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022.

NỘI DUNG 3: Phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ năm 2022:

Stt	Diễn giải	ĐVT	Số tiền
	Lợi nhuận sau thuế năm 2022	Đồng	12.551.535.133
	Tổng lợi nhuận sau thuế để phân phối	Đồng	12.551.535.133
I	Trả cổ tức năm 2022: (15% VDL)	Đồng	9.618.436.500
II	Phân chia các quỹ:	Đồng	2.933.098.633

1	Quỹ khen thưởng	Đồng	300.000.000
2	Quỹ phúc lợi	Đồng	800.000.000
3	Quỹ thưởng Ban điều hành (GD+CBCC)	Đồng	300.000.000
4	Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	1.533.098.633

NỘI DUNG 4: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, phân phối lợi nhuận và đầu tư năm 2023

***/Sản xuất kinh doanh**

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	315,680
2	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	20,000
3	Lao động bình quân	Người	314
4	Tổng quỹ lương	tỷ đồng	58,4 tỷ / Doanh thu 315,680 tỷ <i>Không bao gồm chi phí nhân công gia công sản phẩm cơ khí</i>
5	Thu nhập bình quân	Đồng	15.499.000 đồng/ng/tháng

***/ Phân phối lợi nhuận**

- Cổ tức: Dự kiến chia cổ tức 15 % trên vốn điều lệ.

***/ Đầu tư xây dựng**

- Đầu tư mua sắm, sửa chữa thiết bị: 6,7 tỷ đồng

NỘI DUNG 5: Thù lao của HĐQT và BKS

***/ Thù lao của HĐQT và BKS năm 2022**

STT	Chức vụ	Số lượng	Mức thù lao
I	Thù lao HĐQT		276.000.000
II	Thù lao BKS		84.000.000



***/ Thù lao của HĐQT và BKS năm 2023**

STT	Chức vụ	ĐVT	Mức thù lao
I	Thù lao HĐQT	Đồng	276.000.000
1	Chủ tịch HĐQT	Đồng / tháng	5.000.000
2	Thành viên HĐQT	“	4.000.000
3	Thư ký	“	2.000.000
II	Thù lao BKS	Đồng	84.000.000
1	Trưởng Ban kiểm soát	Đồng / tháng	3.000.000
2	Thành viên Ban kiểm soát	Đồng / tháng	2.000.000

NỘI DUNG 6: Thông qua kết quả miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027

(Theo nội dung Tờ trình số 226/2023/TTr/ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 04 năm 2023)

NỘI DUNG 7: Chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2023

Đề nghị Đại hội ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Đơn vị kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

Trên đây là các vấn đề xin ý kiến, trình Đại hội Cổ đông xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch



Đỗ Chí Nguyễn



Số: 226/2023/TT/ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 04 năm 2023



TỜ TRÌNH

V/v miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
Nhiệm kỳ 2022-2027
Công ty Cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức

- Căn cứ Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức;
- Căn cứ Đơn từ nhiệm ngày 03/04/2023 của Ông Hồ Đăng Khoa;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức xin trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét và thông qua việc **miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Hồ Đăng Khoa** kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2023, lý do: theo nguyện vọng cá nhân.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội xem xét thông qua!

Trân trọng!.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

Đỗ Chí Nguyễn

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các TV HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT

Số: /2023/ NQ ĐHCĐ/TDC

TP. HCM ngày 16 tháng 05 năm 2023

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 do Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành.

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức.

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức, ngày tháng 05 năm 2023.

Hôm nay ngày tháng 05 năm 2023 tại Nhà hàng Khu du lịch Tân Cảng: Số 100 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh; Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Tham dự đại hội có cổ đông và người được ủy quyền dự họp, sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ % trên tổng số cổ phần theo vốn điều lệ.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC
QUYẾT NGHỊ:**

Điều 1: Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư 2022, Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động của Cty với các nội dung chính như sau:

- Doanh thu thực hiện: 256,545 tỷ đồng đạt 82,76 % kế hoạch (310 tỷ đồng)
- Lợi nhuận sau thuế: 12,551 tỷ đồng đạt 55,78 % kế hoạch (22,5 tỷ đồng)
- Lao động bình quân: 304 người đạt 92,12 % kế hoạch (330 người)
- Đầu tư XDCB, mua sắm sửa chữa thiết bị: 5,199 tỷ đồng đạt 12,48 % kế hoạch (12,950 tỷ đồng)
- Thu nhập bình quân: 13.339.000đồng/người/tháng đạt 90,64 % kế hoạch năm (14.717.000 vnd)
- Tổng quỹ lương: 48,66 tỷ đồng/DT 256,545 tỷ đạt 83,5 % kế hoạch (58,28 tỷ đồng/DT 310 tỷ đồng)

Điều 2: Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022

Điều 3: Thông qua việc phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2022 như sau:

1/ Lợi nhuận sau thuế năm 2022:	12.551.535.133 vnd
2/ Trả cổ tức năm 2022 (15%/VĐL):	9.618.436.500 vnd
3/ Phân chia các quỹ:	2.933.098.633 vnd

- Quỹ khen thưởng:	300.000.000 VNĐ
- Quỹ phúc lợi:	800.000.000 VNĐ
- Quỹ thưởng Ban điều hành (Thưởng các cán bộ chủ chốt)	300.000.000 VNĐ
- Quỹ đầu tư phát triển	1.533.098.633 VNĐ

Điều 4: Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh, phân phối lợi nhuận và đầu tư năm 2023.

1/ Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Tổng doanh thu:	315,680 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	20,000 tỷ đồng
- Tổng lao động bình quân:	314 người
- Thu nhập bình quân:	15.499.000 đồng/người/tháng
- Tổng quỹ lương:	58,4 tỷ đồng/doanh thu 315,680 tỷ đồng

(không bao gồm chi phí nhân công gia công sản phẩm cơ khí)

Đại hội nhất trí ủy quyền cho HĐQT dựa trên cơ sở kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2023 và tình hình thị trường để điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 phù hợp với thực tế.

2/ Kế hoạch phân phối lợi nhuận

- Cổ tức: Dự kiến chia cổ tức 15% trên vốn điều lệ.

Trên cơ sở kết quả SXKD năm 2023, HĐQT đề xuất việc phân phối lợi nhuận và chi cổ tức năm 2023 tại ĐHCĐ thường niên năm 2024.

3/ Kế hoạch đầu tư 2023

- Đầu tư mua sắm, sửa chữa thiết bị phục vụ SXKD: 6,7 tỷ đồng

Điều 5: Thù lao, việc chi trả thù lao của HĐQT, BKS

Đại hội đã thông qua việc chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2022, mức thù lao HĐQT, Ban kiểm soát trong năm 2023 như sau:

***/ Năm 2022:**

- Thù lao HĐQT:	276.000.000 đồng
- Thù lao BKS:	84.000.000 đồng

***/ Năm 2023:**

- Thù lao HĐQT:	276.000.000 đồng	+
Chủ tịch HĐQT :	5.000.000 đồng/tháng	
+ Ủy viên HĐQT :	4.000.000 đồng/tháng	
+ Thư ký HĐQT :	2.000.000 đồng/tháng	
- Thù lao BKS:	84.000.000 đồng.	
+ Trưởng BKS :	3.000.000 đồng/tháng	
+ Thành viên BKS :	2.000.000 đồng/tháng	

Điều 6: Thông qua kết quả miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027

Đại hội nhất trí thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 theo nội dung Tờ trình số 226/2023/TTr/ĐHĐCĐ

Điều 7: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023

- Đại hội ủy quyền HĐQT lựa chọn Đơn vị Kiểm toán kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

Điều 8: Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành và các Phòng ban chuyên môn nghiệp vụ Công ty căn cứ quyết nghị để tổ chức thực hiện.

Nghị Quyết này đã được đọc trước Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 ngày và được biểu quyết nhất trí của cổ đông và người được ủy quyền dự họp, sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ %.

T/M Ban thư ký

**T/M Đại hội Đồng cổ đông
Chủ tọa đại hội**

Bùi Minh Trúc

Đỗ Chí Nguyễn

Nơi nhận:

- Đại hội Đồng Cổ Đông
- BKS Cty
- Giám đốc Cty
- Các phòng ban đơn vị
- Lưu HĐQT Cty





CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

PHIẾU BIỂU QUYẾT



194

Số Đăng ký sở hữu :

197118265

Họ & tên cổ đông :

PHẠM ANH LINH

Số cổ phần :

1802



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

PHIẾU BIỂU QUYẾT

SỐ THỨ TỰ

194

Số Đăng ký sở hữu :

197118265

Họ & tên cổ đông :

PHẠM ANH LINH

Số cổ phần :

1802